

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/DS-ST**
Ngày 09/6/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Hà Thị Vinh.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện YS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST- DS ngày 07/10/2021, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Đỗ Thị Minh Th, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 10, phường AT, thành phố TQ, tỉnh TQ. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Bùi Đức V, sinh năm 1976 và bà Khúc Thị H, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn TS, xã CY, huyện YS, tỉnh TQ. Ông V có mặt, bà H vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn CC 1, xã ĐN, huyện HY, tỉnh TQ. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn CC 1, xã ĐN, huyện HY, tỉnh TQ.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với em cô của bà (Nguyễn Thị M) nên từ tháng 8/2019 bà cho vợ chồng ông V, bà H vay tổng số tiền là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), chia làm hai lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/8/2019 bà cho ông V, bà H vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến 30/9/2019 sẽ trả đủ số tiền gốc.

Lần 2: Ngày 10/9/2019 bà cho ông V, bà H vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả trong giấy vay tiền.

Tổng số tiền hai lần vay là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*)

Tuy trong giấy vay tiền không ghi rõ lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất ngoài theo thỏa thuận là 1%/tháng. Lần vay thứ nhất có thỏa thuận thời gian trả tiền, lần vay thứ hai không ghi rõ thời gian trả tiền trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận ngoài với nhau thời gian trả tiền gốc và lãi cả hai lần vay hạn cuối vào ngày 30/9/2019. Kể từ thời điểm phải trả bà đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà H trả cho bà khoản nợ trên nhưng ông V, bà H chưa trả cho bà khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H trả cho bà số tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và lãi tính từ 01/10/2019 đến ngày xét xử 09/6/2022, mức lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên tòa, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, cụ thể bà không yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/8/2021 nữa mà đề nghị Tòa án tính lãi suất của hai khoản vay từ ngày 01/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử 09/6/2022.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Đức V khai:

Năm 2019 do có mối quan hệ quen biết với bà M là em cô bà Th, trong lúc làm ăn khó khăn nên ông và vợ là bà H có nhờ bà M dẫn đến nhà bà Th để vay khoản tiền là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), cụ thể: Lần đầu chị M dẫn vợ chồng ông đến nhà chị Th vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) khi đó có ông Tr đi cùng, trong giấy vay nợ không ghi rõ lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài với nhau lãi suất là 3%/tháng, thời gian trả tiền là ngày 30/9/2019. Sau đó khoảng một tháng bà M lại dẫn vợ ông xuống nhà bà Th vay số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*), khi đó vợ ông (bà H) viết giấy vay nợ ký vào giấy trước xong sau đó vài ngày đưa tiền cho vợ ông thì ông mới ký vào giấy vay nợ, lần vay thứ hai này không ghi rõ lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận ngoài với nhau lãi suất là 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền. Ông xác định hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng chứ không phải 1%/tháng như bà Th trình bày tại phiên tòa. Thời gian đầu vợ chồng ông trả lãi đầy đủ mỗi tháng 6.000.000đ đối với khoản tiền 200.000.000đ cho đến đầu năm 2021 thì không trả lãi cho bà Th nữa

do dịch bệnh covid và công việc bị gián đoạn nên khó khăn về tài chính. Việc trả lãi ông không trả trực tiếp cho bà Th mà nhờ ông Tr lần thì chuyển khoản, lần thì đưa tiền mặt trực tiếp cho bà M để bà M trả cho bà Th, ông chỉ trình bày chứ không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông đã trả được khoản tiền lãi cho bà Th. Vợ chồng ông đã gọi điện thoại cho bà M xin khất và chậm trả lãi đối với khoản vay của bà Th. Vì vậy ông xác định ông và bà H sẽ có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), còn tiền lãi ông không nhất trí với mức lãi suất 1% mà bà Th đưa ra tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng ông Vũ Văn Tr trình bày:

Ông có quan hệ quen biết với ông V, bà H và bà M, còn bà Th không có quan hệ quen biết gì. Vào tháng 8/2019 ông có được dùng ô tô của ông đưa ông V và bà H đến nhà bà Th để vay số tiền 200.000.000 đồng nhưng tại buổi hôm đó bà Th chỉ có 100.000.000 đồng nên bà H chỉ cầm được 100.000.000 đồng của bà Th. Ông có nghe hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng còn thời gian trả cụ thể ông không rõ. Sau khi vay, tại nhà của ông, ông V có nhờ ông hai lần mỗi lần đưa cho ông 6.000.000 đồng để trả lãi cho bà M, lần thứ ba ông V nhờ ông chuyển khoản cho bà M số tiền 7.000.000 đồng, lần thứ tư ông V nhờ ông trả trực tiếp cho bà M số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số 4 lần trả trên là 25.000.000 đồng, toàn bộ là tiền lãi ông V nhờ ông trả cho bà M. Các lần trên ông đều trả cho bà M chứ không có lần nào trả cho bà Th. Các lần trả hộ ông V bằng chuyển khoản hay trực tiếp đều không viết giấy và cũng không ghi nội dung chuyển khoản là gì.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà là em gái chồng của bà Th, bà có mối quan hệ quen biết với ông V, bà H và làm bảo hiểm cùng bà H, có mối quan hệ quen biết với ông Tr. Năm 2019 ông V và bà H có gặp khó khăn trong làm ăn nên đã nhờ bà hỏi xem có chỗ nào để vay tiền làm ăn. Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên bà đã dẫn ông V, bà H đến nhà chị dâu là bà Th để vay tiền. Lần đầu vào tháng 8/2019 bà có dẫn ông V, bà H đến nhà bà Th vay số tiền 100.000.000 đồng, bà thấy có viết giấy vay tiền còn việc thỏa thuận lãi suất và thời gian trả như thế nào bà không nắm được. Các lần sau ông V, bà H vay bà Th như thế nào bà cũng không nắm được. Việc ông V, bà H trả tiền cho bà Th ra sao bà cũng không biết. Bà khẳng định chưa bao giờ được ông V, bà H nhờ cầm tiền lãi để trả cho bà Th còn việc ông Tr có chuyển khoản hay đưa tiền cho bà hay không do thời gian đã lâu nên bà không nhớ được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng, triệu tập (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện hoặc niêm yết theo quy định) bà H đến Tòa án làm việc nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do. Bà H có biết việc bà Th

khởi kiện nhưng không đến Tòa để làm việc do đi làm ăn xa không về được. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Sĩ dĩ dĩn Viĩn kiĩm s, t nhĩn đĩn huyện YS ph, t biĩu quan ĩĩĩm vĩĩ viĩĩc tuĩĩn theo ph, p luĩĩt tĩĩ tĩĩĩng đĩĩn sũĩĩ: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhĩĩĩn y^au cĩĩĩĩu khĩĩĩĩĩn của bà Đỗ Thị Minh Th về việc yêu cầu ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Bà H phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông V và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông V và bà H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị Minh Th khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H trả nợ số tiền đã vay theo giấy vay tiền ngày 30/8/2019 và ngày 10/9/2019. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản)* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn hiện đang cư trú tại xã CY, huyện YS. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại các điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là bà Khúc Thị H.

[4] Tại phiên tòa, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, cụ thể bà không yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 01/10/2019 đến ngày 01/8/2021 nữa mà đề nghị Tòa án tính lãi suất của hai khoản vay từ ngày 01/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử 09/6/2022. Xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: Kèm theo đơn khởi kiện bà Đỗ Thị Minh Th giao nộp cho Tòa án 01 giấy vay tiền (số tiền 200.000.000 đồng) ghi tên và ký tên người vay tiền Bùi Đức V, Khúc Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi/nhiệm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Giấy báo cho ông V và bà H nhưng chỉ có ông V đến Tòa án, ông V thừa nhận ông và bà H có vay của bà Th số tiền là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*). Do vậy đối với nghĩa vụ của ông V thì đây là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn đối với bà H không đến tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà Th đã đề nghị thu thập chứng cứ là các chữ viết của bà H tại Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh TQ và đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30/8/2019 và ngày 10/9/2019 mà bà H đã ký. Tại Kết luận giám định số 472/GĐ-KTHS ngày 26/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh TQ kết luận: Chữ viết, chữ số, chữ ký ghi tên Khúc Thị H tại “giấy vay tiền,, ghi ngày 30/8/2019 và ngày 10/9/2019 (trừ chữ ký “V” và chữ viết “Bùi Đức V”) với chữ số, chữ viết, chữ ký ghi tên Khúc Thị H tại “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 070793473 ghi ngày 19/5/2020 (trừ chữ số màu đỏ tại mục 3, chữ viết tại mục “18. Dấu viết riêng và dị hình”) là do cùng một người viết và ký. Đồng thời, sau khi có kết quả giám định và bà H nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà H đã có đơn xin trình bày về việc bà và ông V có vay của bà Th số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), do hoàn cảnh khó khăn nếu bà Th tính toán hợp lý thì bà H xin được trả dần và không có thắc mắc gì. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh Th về việc yêu cầu ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H phải trả cho bà số tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất của khoản tiền vay: Ông V trình bày ông và bà H vay của bà Th với lãi suất 3%/khoản tiền vay/tháng, tương đương 6.000.000đ/tháng và đã trả lãi cho bà Th đến đầu năm 2021 nhưng ông V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; bà Th không thừa nhận; người làm chứng ông Tr cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã đưa hộ ông V và bà H khoản tiền lãi cho bà Th, bà M cũng không thừa nhận được nhận bất kỳ khoản tiền nào ông V và bà H nhờ để chuyển cho bà Th nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét việc ông V và bà H đã trả lãi cho bà Th từ khi vay cho đến đầu năm 2021 như ông V đã trình bày. Trong giấy vay tiền lần 1 với số tiền 100.000.000 đồng hai bên thỏa thuận thời gian trả, không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên tại phiên tòa các bên xác định có thỏa thuận lãi suất miệng bên ngoài giấy vay tiền; trong giấy vay tiền lần 2 với số tiền 100.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền tuy nhiên giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tại phiên tòa có thỏa thuận lãi suất bên ngoài theo thỏa thuận miệng nhưng bà Th xác định thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng còn ông V xác định lãi suất là 3%/tháng, đối với thời gian trả tiền bà Th

cho rằng không ghi thời gian trả trong giấy vay tiền nhưng thỏa thuận miệng thời gian trả là 30/9/2019 còn ông V xác định không được thỏa thuận thời gian trả tiền, ông không rõ ngày phải trả tiền là ngày nào. Tại phiên tòa bà Th đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất là 1%/tháng còn ông V đề nghị Tòa án xem xét về lãi suất theo quy định của pháp luật. Như vậy trong vụ án này các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Bà Th đề nghị thời gian tính lãi suất từ ngày 01/10/2019 đến ngày xét xử 09/6/2022 là 32 tháng 08 ngày. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự “*trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Như vậy mức lãi suất ông V và bà H phải thanh toán cho bà Th tại thời điểm vay nợ sẽ là: 200.000.000đ x 0,83%/tháng x 32 tháng 08 ngày = 53.562.666 đồng.

Tổng cộng hai khoản cả gốc và lãi là 253.562.666 đồng, trong đó số tiền gốc là 200.000.000 đồng; tiền lãi là 53.562.666 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị Minh Th đã nộp chi phí giám định là 3.030.000 đồng, bà Th yêu cầu bà H phải hoàn trả lại cho bà số tiền này. Căn cứ vào Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Khúc Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đỗ Thị Minh Th số tiền 3.030.000 đồng tiền chi phí giám định.

[7] Bị đơn đề nghị do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả nợ dần cho nguyên đơn nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 161, 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đỗ Thị Minh Th đối với ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H.

- Buộc ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Minh Th tổng số tiền là 253.562.666đ (*hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), trong đó số tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*); tiền lãi là 53.562.666đ (*năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Chia ra ông Bùi Đức V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Minh Th tổng số tiền 126.781.333đ (*một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó tiền gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 26.781.333đ (*hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*); bà Khúc Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị Minh Th tổng số tiền 126.781.333đ (*một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó tiền gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 26.781.333đ (*hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Số tiền phải trả được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Khúc Thị H phải chịu chi phí giám định là 3.030.000 đồng và hoàn trả cho bà Đỗ Thị Minh Th số tiền đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.030.000 đồng.

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của ông Bùi Đức V vì nguyên đơn Đỗ Thị Minh Th không đồng ý.

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Đức V và bà Khúc Thị H mỗi người phải chịu 6.339.066đ (*sáu triệu ba trăm ba mươi chín nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Đỗ Thị Minh Th không phải chịu án phí, trả lại bà Thu số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.700.000đ (*sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003830 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh Th, bị đơn ông Bùi Đức V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn bà Khúc Thị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận :

- TAND tØnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

